TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KON PLÔNG** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HS-ST
Ngày: 11-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON PLÔNG, TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Trần Đăng Lễ.
***Các Hội thẩm nhân dân*:**
1. Ông Nguyễn Minh Cường.
2. Bà Ngô Thị Na.
***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kon Plông;
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2022/TLST - HS ngày 27 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án R xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **A B**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 0x tháng 0x năm 198x, tại tỉnh Kon Tum.

Nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Mơ Nâm; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: A Đ (đã chết), và bà Y Th; bị cáo có vợ tên Y Ng, sinh năm: 198x; bị cáo có 02 người con lớn nhất sinh năm 200x, nhỏ nhất sinh năm 200x; gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con út trong gia đình; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/10/2021 đến nay *(Có mặt tại phiên tòa).*

2. Họ và tên: **A R**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 2x tháng x năm 199x, tại tỉnh Kon Tum.

Nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Mơ Nâm; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: A N (đã chết), và bà Y R (đã chết); bị cáo có vợ tên Y G, sinh năm 200x; gia đình bị cáo có 05 chị em bị cáo là con út trong gia đình; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/10/2021 đến nay *(Có mặt tại phiên tòa).*

3. Họ và tên: **A H**, tên gọi khác: A Ro, sinh ngày 1x tháng x năm 199x, tại tỉnh Kon Tum.

Nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Mơ Nâm; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: A Đ và bà Y N; bị cáo có vợ tên Y N, sinh năm: 199x; bị cáo có 02 người con lớn nhất sinh năm 201x, nhỏ nhất sinh năm 201x; gia đình bị cáo có 04 anh chị em bị cáo là con thứ hai trong gia đình; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/10/2021 đến nay *(Có mặt tại phiên tòa).*

4. Họ và tên: **A D**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 1x tháng 1x năm 199x, tại tỉnh Kon Tum.

Nơi cư trú: Thôn V, xã P, huyện K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 04/12; Dân tộc: H Re; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn R, sinh năm 196x và bà Y Đ, sinh năm 196x; gia đình bị cáo có 06 anh em bị cáo là con út trong gia đình; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/10/2021 đến ngày 03/11/2021. Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. *(Có mặt tại phiên tòa).*

5. Họ và tên: **A Ch**, tên gọi khác: Không, Sinh ngày 2x/1x/200x, tại tỉnh Kon Tum.

Nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Mơ Nâm; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: A R, sinh năm 198x và bà Y Ch, sinh năm 198x; gia đình bị cáo có 02 anh em bị cáo là con cả trong gia đình; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. *(Có mặt tại phiên tòa).*

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo A Ch: Ông A R, sinh năm: 198x; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo A Ch: Bà Nguyễn Thị Thúy H (Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý NH1 nước tỉnh Kon Tum).

Địa chỉ: Số 21x đường T, TP. K, tỉnh Kon Tum; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty Cổ phần Thủy điện S.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Văn Nh, chức vụ: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện S; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Văn V - Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện S (Theo giấy ủy quyền ngày 03/3/2022).

Địa chỉ: 9x V, tổ dân phố 0x thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt tại phiên tòa.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh A H1, sinh ngày 1x/x/200x; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của A H1: Anh A R1, sinh năm 197x; nơi cư trú:

Thôn M, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

+ Chị Đào Thị T, sinh năm: 197x; nơi cư trú: Tổ dân phố x, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị Đinh Thị Ph, sinh năm: 198x; nơi cư trú: Thôn K, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh A Ph, sinh năm: 199x; nơi cư trú: Thôn V, xã P, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

+ Chị Y Ng, sinh năm: 198x; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

+ Chị Y G, sinh năm: 200x; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

+ Anh A R, sinh năm: 198x; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

+ Anh A R1, sinh năm: 197x; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

+ Chị Y Nh, sinh năm: 199x; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

+ Chị Y N, sinh năm: 199x; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

****Người tham gia tố tụng khác:***

- Người làm chứng:

+ Anh A Bg, sinh ngày: 1x/x/200x; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của A Bg: Chị Y Ng, sinh năm 198x; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

+ Anh Phùng Ngọc T, sinh năm: 198x; nơi cư trú: Xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

+ Anh Võ Đại Ph, sinh năm 199x; nơi cư trú: Tổ dân phố x, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người phiên dịch: Ông A Rt - Cán bộ Hội nông dân.

Địa chỉ: Thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2021, khi đi chăn trâu, thăm bẫy tại khu vực hầm phụ trên tháp điều áp thuộc quản lý của Công ty Cổ phần Thủy điện S, thuộc địa giới hành chính xã Ngọk Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, A B nhìn thấy 01 máy biến áp không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp máy biến áp bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Vào khoảng 15 giờ ngày 10/10/2021, A B rủ A H1, A R cùng tham gia đi lấy máy biến áp thì H1, R đồng ý. Một lúc sau, có A H sang nhà A B chơi, B tiếp tục rủ A H đi cùng để thực hiện việc trộm cắp máy biến áp về bán lấy tiền tiêu xài cá nhân thì A H đồng ý. Đến khoảng chiều tối cùng ngày, A B mang theo 01 con dao rựa, 01 kìm, A R mang theo 11 cờ lê gồm nhiều kích cỡ để đi trộm

máy biến áp. Đến lúc đi trộm cắp, A H có việc đột xuất nên không đi và nói B, H1, R cứ đi đi. A B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đỏ đen, BKS 82L1- 058.77 chở theo A H1, A R một mình điều khiển xe mô tô Honda Wave RSXF1, màu trắng đen, BKS 82L1- 056.92 đi từ thôn M. Theo sự chỉ dẫn của A B, cả nhóm đi theo đường Đông Trường Sơn, khi đến đường dẫn lên khu vực có máy biến áp, cả nhóm bỏ xe mô tô ở bụi rậm ven đường. Sau đó, cả ba đi bộ vào rừng theo đường mòn đến khu vực gần hầm phụ trên tháp điều áp thuộc quản lý của Công ty Cổ phần Thủy điện S. Khi đến nơi, cả 3 người thấy 01 máy biến áp đang cố định trên cột điện, không có điện và không có người trông coi. A B nói A H1, A R leo lên tháo máy biến áp còn B đứng dưới đợi. H1, R leo lên cột điện dùng cờ lê, kìm chuẩn bị trước để tháo rời các thanh sắt giá đỡ và máy biến áp xuống đất. Khi đã hạ được máy biến áp xuống đất, B, H1, R cùng nhau tháo rời các linh kiện bên trong máy biến áp. Bên trong máy biến áp có nhiều lá thép kỹ thuật (hình chữ nhật, nhiều kích thước khác nhau), 03 cuộn đồng. Khi tháo rời xong các linh kiện trong máy biến áp, cả ba chia nhau đi cất giấu các lá thép kỹ thuật, các thanh sắt giá đỡ ở các vị trí khác nhau trong rừng. Sau đó, cả ba vận chuyển 03 cuộn đồng về cất giấu ở nhà A B. Về đến nhà, A B đem 01 cuộn đồng R thị trấn Măng Đen, đến bán cho bà Đào Thị T trú tại Tổ dân phố 0x, Thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum được 2.520.000 đồng (Hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). Lúc bán, B không nói cho bà T biết về nguồn gốc số đồng. B đem số tiền này về chia cho A H1, A R mỗi người khoảng 800.000 đồng. Số tiền còn lại A B giữ lại tiêu xài cá nhân hết. A R, A H1 sau khi được chia tiền cũng đã tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 12/10/2021, A B tiếp tục ngồi uống rượu cùng với A H1, A R, A H, A Ch (sinh ngày: 24/12/2004) và A D. Lúc này, B rủ tất cả mọi người cùng nhau đi đến khu vực hầm thủy điện lấy sắt thép là linh kiện của máy biến áp mà B, H1, R là những người trực tiếp trộm cắp về bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Trước đó, A B có rủ A H đi trộm máy biến áp nên H cũng đồng ý và đã biết nguồn gốc số sắt thép mà B đã nói. B nói rõ cho A D, A Ch biết số sắt thép đó là do B, H1, R trộm cắp máy biến áp của thủy điện rồi tháo rời các linh kiện mà có được. Khi được rủ, H1, R, H, D, Ch đều đồng ý. Trước khi đi, A Bg (sinh năm: 2008 - con trai của A B) xin đi chơi cùng nhưng không biết mục đích của A B và những người khác. B, H1, R, D, Ch, H, Bông đi 04 xe mô tô (gồm 01 xe mô tô của A B, 01 xe mô tô của A R, 01 xe mô tô của A Ch mượn của A R, 01 xe mô tô của A D mượn của anh trai A Ph) và cầm theo 04 bao tải có sẵn ở nhà A B. Tất cả cùng đi đến khu vực đường Đông Trường Sơn và giấu xe vào các bụi rậm ven đường. Cả nhóm đi bộ đến khu vực giấu sắt thép là linh kiện của máy biến áp mà trước đó B, H1, R đã trộm cắp. Khi đến nơi, B, H1, R, D, Ch, H cùng nhau lấy các lá thép kỹ thuật bỏ đầy vào 04 bao tải, đồng thời lấy thêm 04 thanh sắt (02 thanh sắt chữ U, 02 thanh sắt chữ V), A Bg không tham gia. Sau đó, cùng nhau vận chuyển đến vị trí xe mô tô và chở về. Khi đi đến đoạn đường trước trụ sở chi nhánh Lâm trường M II thuộc địa bàn xã M, huyện K, cả nhóm gặp chị Đinh Thị Ph là người thu mua phế liệu nên đã bán toàn bộ số sắt thép lấy được với giá 870.000 đồng (Tám trăm B mươi nghìn đồng). Khi bán, cả nhóm không nói cho chị Ph biết nguồn gốc số

sắt thép. A B chia cho mỗi người 100.000 đồng, số tiền còn lại B tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 14/10/2021, công nhân của Công ty thủy điện S trong quá trình đi vào khu vực hầm phụ trên tháp điều áp để kiểm tra thì phát hiện máy biến áp đã bị mất nên đã báo cho lãnh đạo công ty, cùng ngày ông Cao Văn Nh - Tổng giám đốc Công ty thủy điện S có đơn trình báo Công an huyện Kon Plông về việc mất trộm tài sản.

Ngày 15/10/2021, nhận thấy hành vi trộm cắp máy biến áp của mình là sai trái, vi phạm pháp luật nên A B, A H đến Công an huyện Kon Plông đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp máy biến áp.

Ngày 16/10/2021, A R đến Công an huyện Kon Plông khai nhận hành vi tham gia trộm máy biến áp.

Ngày 28/10/2021, A Ch đến Công an huyện đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi tham gia tiêu thụ sắt thép là linh kiện của máy biến áp.

Ngày 21/10/2021, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã yêu cầu định giá tài sản đối với toàn bộ máy biến áp TM-100KVA-22/0,4KV và định giá từng linh kiện mà A B, A H1, A R đã chiếm đoạt. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 23/KL-HĐĐG ngày 26/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kon Plông kết luận máy biến áp tại thời điểm bị chiếm đoạt là 51.631.710 đồng (Năm mươi mốt triệu sáu trăm ba mươi mốt ngàn bảy trăm mười đồng).

Ngày 29/12/2021, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kon Plông đã yêu cầu định giá tài sản đối với 01 xà đỡ sứ, 01 xà đỡ FCO mà A B, A H1, A R đã chiếm đoạt. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐG ngày 04/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kon Plông kết luận 01 xà đỡ sứ tại thời điểm bị chiếm đoạt là 621.352 đồng (Sáu trăm hai mươi mốt ngàn ba trăm năm hai đồng), 01 xà đỡ FCO tại thời điểm bị chiếm đoạt là 918.426 đồng (Chín trăm mười tám ngàn bốn trăm hai mươi sáu đồng). Tổng giá trị của xà đỡ sứ và xà đỡ FCO là 1.539.778 đồng (Một triệu năm trăm ba mươi chín ngàn bảy trăm bảy mươi tám đồng).

Tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị được định giá là 53.171.488 đồng (Năm mươi ba triệu một trăm bảy mươi mốt ngàn bốn trăm tám mươi tám đồng).

Vật chứng, đồ vật, tài sản liên quan đến vụ án:

- Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã thu giữ, tạm giữ các đồ vật sau:

+ 03 cuộn giây đồng có kích thước cao 15cm, đường kính dây 0,5mm;

+ 01 cuộn dây màu đỏ bằng kim loại, có đường kính 0,5mm, khối lượng 8kg;

+ 01 cuộn dây bằng kim loại dạng dẹp, kích thước 0,1mm, có khối lượng 10kg;

+ 02 thanh sắt U10 dài 1 mét;

+ 02 thanh sắt V6 dài 72cm;

+ 180kg kim loại là các lá thép kỹ thuật hình chữ nhật có nhiều kích thước khác nhau;

+ Đối với một số vật chứng còn lại tài hiện trường gồm 01 vỏ máy biến áp, các lá thép kỹ thuật, bình dầu phụ của máy biến áp, sứ đỡ máy biến áp, do điều kiện

địa hình đồi núi phức tạp, vận chuyển khó khăn nên sau khi khám nghiệm hiện trường xong, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện đã giao cho Công ty Cổ phần Thủy điện S bảo quản, quản lý.

Những vật chứng này, trong quá trình điều tra Công ty Cổ phần Thủy điện S có yêu cầu nhận lại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã trả lại.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kon Plông còn tạm giữ:

+ 04 bao tải dùng để đựng sắt thép;

+ 01 cây rựa dài 57cm, có cán bằng gỗ dài 29cm, lưỡi bằng kim loại dài 28cm;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đỏ đen, BKS 82L1- 058.77, đã qua sử dụng của A B;

+ 11 cờ lê (gồm 01 cờ lê ghi số 13-16; 01 cờ lê ghi số 14-17; 01 cờ lê ghi số 14; 01 cờ lê ghi số 15; 01 cờ lê ghi số 16; 01 cờ lê ghi số 17; 01 cờ lê ghi số 17-19; 01 cờ lê ghi số 19; 01 cờ lê ghi số 22; 02 cờ lê ghi số 24);

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX F1, màu trắng đen, BKS 82L1- 056.92, đã qua sử dụng và đăng ký xe của A R.

+ Đối với 01 cái kìm mà A B mang theo để tháo máy biến áp, sau khi tháo được máy biến áp, B mang kìm về nhà nhưng không nhớ để ở đâu. Cơ quan điều tR đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

+ Đối với 01 xe mô tô A Ch và 01 xe mô tô A D sử dụng đi lấy sắt thép là linh kiện của máy biến áp về bán. Quá trình điều tra xác định được xe mô tô của A Ch điều khiển là xe A Ch mượn của A R, xe mô tô A D điều khiển là xe A D mượn của anh trai A Ph. Khi mượn xe, A D, A Ch chỉ nói với A Ph, A R là mượn xe để làm Ph tiện đi lại. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kon Plông không thu giữ mà cho A R và A Ph được nhận lại xe.

Tại Cáo trạng số: 04/CT-VKS ngày 26 tháng 01 năm 2022, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum truy tố các bị cáo A B, A R và A H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo A D và A Ch về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Qua phần xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa hôm nay. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon plông, đã phân tích về hành vi phạm tội, tính chất, mức độ, nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo gây ra, đánh giá về nhân thân, các T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo A B, A R và A H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo A D và A Ch về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo:

+ A B mức án từ 03 (ba) năm tù đến 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/10/2021.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo:

+ A R mức án từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/10/2021.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo:

+ A H mức án từ 15 (mười lăm) tháng tù đến 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/10/2021.

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo A B, A R và A H không có tài sản, không có thu nhập, hoàn cảnh gia đình khó khăn, dân tộc thiểu số nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 36; Điều 17; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo:

+ A D mức án từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 36; Điều 12; Điều 17; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 100 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo:

+ A Ch mức án từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Về khấu trừ thu nhập và hình phạt bổ sung: Các bị cáo A D và A Ch không có tài sản, không có thu nhập, hoàn cảnh gia đình khó khăn, dân tộc thiểu số và bị cáo A Ch là người chưa thành niên phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 323 Bộ luật hình sự.

- Về vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; 586; 587; 589 của Bộ luật dân sự; ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị hại và các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Người bào chữa cho bị cáo A Ch: Nguyễn Thị Thúy H - Trợ giúp viên pháp lý trình bày:

Thống nhất với tội danh và khung hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo A Ch. Bị cáo A Ch biết tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng đã thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản để nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tuy nhiên, bị cáo là người chưa thành niên, phạm tội trong độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo R đầu thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật hạn chế; vai trò của bị cáo không đáng kể; ông A R là bố của bị cáo là người đại

diện hợp pháp cho bị cáo A Ch đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 1.000.000 đồng; tài sản thiệt hại đã được khắc phục toàn bộ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 100; khoản 1 Điều 323; Điều 36; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Ch mức án 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa các bị cáo: A B, A R, A H, A D và A Ch thừa nhận hành vi phạm tội của mình không có tranh luận gì. Riêng bị cáo A D trình bày là ngày 11/02/2022, anh tự nguyện nộp số tiền 2.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án để bồi thường cho bị hại khắc phục thiệt hại và hiện nay số tiền các bị cáo đã bồi thường cho bị hại là 53.000.000 đồng, còn lại 171.488 đồng, bị cáo A D tự nguyện bồi thường số tiền này cho Công ty Cổ phần Thủy điện S và trừ vào số tiền 2.000.000 đồng bị cáo A D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Plông. Số tiền còn dư bị cáo xin được nhận lại.

Tại phiên tòa đại diện bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm số tiền thiệt hại về tài sản là 59.763.679 đồng. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Đinh Thị Ph và bà Đào Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và không có yêu cầu gì đối với các bị cáo.

- Chị Y Ng trình bày đã bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng thay cho A B và không yêu cầu gì đối với bị cáo B và các bị cáo khác. Về chiếc xe mô tô chị Y Ng trình bày chị là vợ của bị cáo A B, chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu Đỏ Đen, BKS 82L1- 058.77, là tài sản chung của vợ chồng, chị không biết A B dùng vào việc phạm tội nên chị đề nghị được nhận lại chiếc xe.

- Chị Y G trình bày chị là vợ của bị cáo A R, chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave RSX F1, màu sơn Trắng Đen, biển kiểm soát: 82L1- 05692, là tài sản chung của vợ chồng, chị không biết A R dùng vào việc phạm tội nên chị đề nghị được nhận lại chiếc xe.

- Anh A R1 trình bày đã bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng thay cho A H1 và không yêu cầu gì đối với bị cáo A H1 và các bị cáo khác.

- Chị Y Nh trình bày đã bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng thay cho A R và không yêu cầu gì đối với bị cáo A R và các bị cáo khác.

- Chị Y N trình bày đã bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng thay cho A H và không yêu cầu gì đối với các bị cáo khác.

- Anh Rét trình bày: Anh có cho A Ch mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu POLISH, màu sơn xanh, Biển kiểm soát 82P1 - 0842, anh không biết A Ch dùng vào việc phạm tội và anh không có liên quan gì, anh đã nhận lại xe không yêu cầu gì; còn việc anh đã bồi thường cho bị hại thay cho bị cáo A Ch số tiền 1.000.000 đồng anh không yêu cầu gì đối với bị cáo Ch và các bị cáo khác.

- Anh A Ph trình bày là anh có cho A D mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại EXCITIER, màu sơn Đỏ Đen, Biển kiểm soát 82L1 - 03053, anh không biết A D dùng vào việc phạm tội và anh không có liên quan gì, anh Phan đã nhận lại xe không yêu cầu bị cáo A D phải bồi thường gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tRnh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kon Plông, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo; người bào chữa; bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hay khiếu nại về H1nh vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị T và Đinh Thị Ph, người làm chứng anh Võ Đại Ph đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy, bà T, bà Ph, anh Phước đã có đơn xin xét xử vắng mặt và việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Nên Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử, theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã xác định được, lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, như vậy có đủ căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Vào ngày 10/10/2021, tại khu vực hầm phụ trên tháp điều áp thuộc quản lý của Công ty Cổ phần thủy điện S, thuộc địa giới hành chính xã Ngọk Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong quản lý tài sản, A B, A H1, A R đã lén lút, bí mật chiếm đoạt 01 máy biến áp TM-100KVA-22/0,4KV, 01 xà đỡ sứ, 01 xà đỡ FCO có giá trị được định giá là 53.171.488 đồng (*Năm mươi ba triệu, một trăm bảy mươi mốt nghìn, bốn trăm tám mươi tám đồng)*. H1nh vi của A B, A R, A H1 là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. H1nh vi của A B, A R đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. A B, A R là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Do vậy, A B, A R phải chịu trách nhiệm hình sự đối với H1nh vi phạm tội đã gây R. Đối với A H, khi được A B rủ đi trộm máy biến áp, A H với ý chí chủ quan là đồng ý tham gia, mặc dù sau đó không tham gia đi trực tiếp trộm cắp máy biến áp; nhưng sau khi biết máy biến áp đã được trộm cắp, vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân và muốn giúp A B vận chuyển máy biến áp đi bán nên A H tiếp tục tham gia cùng A B, A H1, A R vận chuyển các sắt thép là linh kiện của máy biến áp đi bán. Do đó, A H phải chịu

trách nhiệm hình sự về tội "Trộm cắp tài sản" với vai trò đồng phạm.

A D, A Ch mặc dù không hứa hẹn trước với A B, A R, A H1 và A H về việc trộm cắp máy biến áp nhưng sau khi biết được máy biến áp do trộm cắp mà có, vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân đã tham gia tiêu thụ một phần sắt thép là linh kiện của máy biến áp, tổng số tiền bán được là 870.000 đồng (Tám trăm B mươi nghìn đồng). A D và A Ch được chia mỗi người 100.000 đồng. Số tiền này các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Hành vi của A Ch, A D là hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến trật tự công cộng. A Ch, A D là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Hành vi của A D, A Ch đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Do vậy, Cáo trạng số: 04/CT-VKS ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum truy tố các bị cáo về tội danh trên và điều khoản áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo A B, A R và A H thuộc trường hợp nghiêm trọng, là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo biết rằng việc lén lút trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý, tổ chức thực hiện. H1nh vi của các bị cáo đã gây thiệt hại đến tài sản của Công ty Cổ phần S, gây thiệt hại về tài sản là 53.171.488 đồng (*Năm mươi ba triệu, một trăm bảy mươi mốt nghìn, bốn trăm tám mươi tám đồng)*.

Đối với các bị cáo A D và A Ch phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, H1nh vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có bán lấy tiền tiêu xài cá nhân gây thiệt hại tổng số tiền là 870.000 đồng (Tám trăm bảy mươi nghìn đồng), xâm phạm đến trật tự công cộng.

Các bị cáo A B, A R, A H là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu của cá nhân, nên các bị cáo A B, A R, A H đã cố ý trộm cắp tài sản là máy biến áp; các bị cáo A D, A Ch đã tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là tỏ ý coi thường pháp luật.

[4] Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, các bị cáo có sự chuẩn bị công cụ, các bị cáo có sự thống nhất ý chí từ trước, nhưng không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ và phân công trách nhiệm từng đồng phạm cụ thể. Do vậy, khi xem xét vai trò của từng bị cáo Hội đồng xét xử nhận định cụ thể như sau:

[4.1] Đối với bị cáo A B: Là người nảy sinh ý định và trực tiếp đặt vấn đề, chuẩn bị, công cụ để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là máy biến áp và rủ rê, xúi giục các bị cáo khác thực hiện hành vi trộm cắp và vận chuyển, thu gom tiêu thụ toàn bộ tài sản trộm cắp và bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân. Do đó, bị cáo A B giữ vai trò chính, vừa có vai trò là chủ mưu, khởi xướng, thực hành, vừa có vai trò là người giúp sức trong vụ án. Do vậy, bị cáo A B phải chịu trách nhiệm hình sự về toàn bộ tài sản bị thiệt hại đã gây R với số tổng số tiền theo định giá. Bị cáo phải chịu hình phạt cao nhất so với các bị cáo khác.

[4.2] Đối với bị cáo A R là người tiếp nhận ý chí trực tiếp từ A B, được A B rủ rê, chỉ dẫn đến vị trí nơi có máy biến áp của Công ty S; chuẩn bị công cụ, Ph tiện để trộm cắp tài sản và trực tiếp tháo các bộ phận của máy biến áp nên có vai trò chính, là người thực hành tích cực trong vụ án. Do vậy, bị cáo A R phải chịu trách nhiệm hình sự về toàn bộ tài sản bị thiệt hại đã gây ra với số tổng số tiền theo định giá. Bị cáo phải chịu hình phạt thứ 2 sau bị cáo A B.

[4.3] Đối với bị cáo A H có vai trò là người tiếp nhận ý chí trực tiếp từ A B, được A B rủ rê trộm cắp máy biến áp và A H với ý thức chủ quan đã đồng ý tham gia trộm cắp tài sản cùng với bị cáo A B và A R nhưng vai trò của bị cáo A H không đáng kể. Bị cáo A H đã tiếp nhận ý chí từ bị cáo A B và đã đồng ý để tham gia trộm cắp và sau đó tham gia thu gom những tài sản đã trộm cắp được để bán lấy tiền và được chia tiền để tiêu xài cá nhân. Do vậy, bị cáo A H phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm về toàn bộ tài sản bị thiệt hại mà các bị cáo đã gây ra với số tổng số tiền theo định giá. Bị cáo phải chịu hình phạt thứ 3 sau bị cáo A B và A R.

[4.4] Đối với A D và A Ch có vai trò đồng phạm với vai trò thực hành trong việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có với tổng số tiền 870.000 đồng.

Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm minh để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội. Đồng thời, răn đe phòng ngừa chung trong công tác đấu tRnh, phòng chống tội phạm trên địa bàn hiện nay.

[5] Về đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- *Về nhân thân:* Các bị cáo A B, A R, A H, A D và A Ch đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- *Về tình tiết tăng nặng:* Bị cáo A B phải chịu T tiết tăng nặng quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 về hành vi xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội. Các bị cáo A R, A H, A D và A Ch không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

- *Về T tiết giảm nhẹ:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo A B, A R, A H, A D, A Ch đều đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo A B, A R, A H và A Ch ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo A B có mẹ ruột là người tham gia công dân hỏa tuyến nhưng đây không thuộc trường hợp áp dụng để bị cáo được hưởng T tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật. Bị cáo A H là đồng phạm trong vụ án nhưng tham gia với vai trò không đáng kể và có nhiều T tiết giảm nhẹ điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo A H. Đối với A D và A Ch phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng T tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo A Ch, tại thời điểm phạm tội, bị cáo A Ch mới 16 tuổi 09 tháng 19 ngày, trong độ tuổi chưa thành niên. Để thực hiện chính sách khoan hồng có tính giáo dục là chính đối với người phạm tội chưa thành niên của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần cho bị cáo A Ch được hưởng mức hình phạt nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội tương ứng

và với thời hạn thích hợp ngắn nhất theo quy định tại Điều 90; Điều 91, Điều 100 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo A B, A R và A H không có tài sản, không có thu nhập, hoàn cảnh gia đình khó khăn, dân tộc thiểu số nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Các bị cáo A D và A Ch không có tài sản, không có thu nhập, hoàn cảnh gia đình khó khăn, dân tộc thiểu số và bị cáo A Ch là người chưa thành niên phạm tội nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập và miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 323 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[6] Đối với nội dung bào chữa của bà Nguyễn Thị Thúy H cho bị cáo A Ch: Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người chưa thành niên, phạm tội trong độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo R đầu thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật hạn chế; vai trò của bị cáo không đáng kể; ông A R là bố của bị cáo là người đại diện hợp pháp cho bị cáo A Ch đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 1.000.000 đồng; tài sản thiệt hại đã được khắc phục toàn bộ. Do đó, bà Hằng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 100; khoản 1 Điều 323; Điều 36; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017 cho bị cáo A Ch là phù hợp Hội đồng xét xử chấp nhận. Còn về mức hình phạt bà Hằng đề nghị xử phạt bị cáo Ch mức án 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của người bào chữa là nhẹ so với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử không chấp nhận mà cần phải xử phạt mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra theo quy định của pháp luật.

[7] Ngoài ra trong vụ án còn có A H1 (sinh ngày 12/7/2006) tính đến ngày A H1 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với A B, A R (10/10/2021), A H1 chưa đủ 16 tuổi (15 tuổi 02 tháng 29 ngày), thực hiện tội phạm được quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là tội phạm nghiêm trọng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự thì A H1 không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện đã ra quyết định xử lý hành chính bằng hình thức "Cảnh cáo" là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với A Bg, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2008, mặc dù ngày 12/10/2021, Bông có theo các bị cáo đi lấy sắt thép nhưng A Bg xin đi chơi, không biết mục đích của các bị cáo trộm cắp tài sản sắt, đồng để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Trong vụ án này còn có Đào Thị T, Đinh Thị Ph là những người làm nghề mua phế liệu. Bà T khi mua đồng của bị cáo A B và chị Ph khi mua sắt thép của nhóm A B, A R, A H, A D, A Ch nhưng qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của bà Ph, bà T thể hiện bà Ph và bà T không hứa hẹn trước và cũng không biết số đồng, sắt thép là do nhóm A B trộm cắp mà có, A B và các bị cáo khác khi bán cũng không nói cho bà T, chị Ph biết về nguồn gốc của số đồng, sắt

thép. Do vậy, không có căn cứ để xử lý đối với T và Ph là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] *Về trách nhiệm dân sự:*

- Theo kết luận của Hội đồng định giá tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị được định giá là 53.171.488 đồng (Năm mươi ba triệu một trăm B mươi mốt nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng). Bị hại và các bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong số tiền 53.000.000 đồng (Trong đó: Bị cáo A B bồi thường 30.000.000 đồng, A R: 10.000.000 đồng; A H: 10.000.000 đồng, A Ch 1.000.000 đồng, A H1: 2.000.000 đồng), còn lại 171.488 đồng bị cáo A D tự nguyện bồi thường cho Công ty Cổ phần Thủy điện S và đề nghị được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng bị cáo A D đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001407 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Plông, nên thể hiện các bị cáo đã bồi thường cho bị hại toàn bộ thiệt hại theo tổng giá trị tài sản theo định giá là 53.171.488 đồng (Năm mươi ba triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng). Mặt khác, Công ty Cổ phần Thủy điện S cũng đã nhận lại toàn bộ các vật chứng là tài sản các bị cáo đã trộm cắp. Do vậy, tại phiên tòa bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền thêm số tiền thiệt hại là 59.763.679 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy cần công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại về số tiền đã bồi thường thiệt hại theo định giá là 53.171.488 đồng (Năm mươi ba triệu một trăm B mươi mốt nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng); còn về yêu cầu bồi thường thêm số tiền 59.763.679 đồng không có căn cứ nên không có cơ sở để chấp nhận. Do yêu cầu bồi thường thêm 59.763.679 đồng của bị hại không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị hại phải chịu án phí dân sự theo điểm e khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

- Bà Đinh Thị Ph và bà Đào Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Chị Y Ng trình bày đã bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000đ ồng thay cho A B và không yêu cầu gì đối với bị cáo B và các bị cáo khác nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về chiếc xe mô tô chị Y Ng trình bày chị là vợ của bị cáo A B, chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu Đỏ Đen, BKS 82L1- 058.77, là tài sản chung của vợ chồng, chị không biết A B dùng vào việc phạm tội nên chị đề nghị được nhận lại chiếc xe. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản chung của vợ chồng A B và chị Y Ng và chị không biết A B dùng vào việc phạm tội nên tịch thu ½ giá trị chiếc xe và trả lại cho chị Y Ng ½ giá trị chiếc xe là phù hợp.

- Chị Y G trình bày chị là vợ của bị cáo A R, chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave RSX F1, màu sơn Trắng Đen, biển kiểm soát: 82L1-05692, là tài sản chung của vợ chồng, chị không biết A R dùng vào việc phạm tội nên chị đề nghị được nhận lại chiếc xe. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản chung của vợ chồng A R và chị Y G và chị không biết A R dùng vào việc phạm tội nên tịch thu ½ giá trị chiếc xe và trả lại cho chị Y G ½ giá trị chiếc xe là phù hợp.

- Anh A R1 trình bày đã bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng thay cho A H1 và không yêu cầu gì đối với A H1 và các bị cáo khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Chị Y Nh trình bày đã bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng thay cho A R và không yêu cầu gì đối với bị cáo A R và các bị cáo khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Chị Y N trình bày đã bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng thay cho A H và không yêu cầu gì đối với các bị cáo khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Anh A R trình bày: anh có cho A Ch mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu POLISH, màu sơn xanh, Biển kiểm soát 82P1 - 0842, anh không biết A Ch dùng vào việc phạm tội và anh không có liên quan gì, anh A R đã nhận lại xe không yêu cầu gì; còn việc anh đã bồi thường cho bị hại thay cho bị cáo A Ch số tiền 1.000.000 đồng anh không yêu cầu gì đối với bị cáo Ch và các bị cáo khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Anh A Ph trình bày: Anh có cho A D mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại EXCITIER, màu sơn Đỏ Đen, Biển kiểm soát 82L1 - 03053, anh không biết A D dùng vào việc phạm tội và anh không có liên quan gì, anh Phan đã nhận lại xe không yêu cầu bị cáo A D phải bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với số tiền 2.000.000 đồng bị cáo A D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Plông theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001407 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Plông. Tại phiên tòa A D tự nguyện dùng số tiền này bồi thường cho bị hại số tiền bị thiệt hại còn lại là 171.488 đồng và đề nghị được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng bị cáo A D đã tự nguyện nộp theo biên lai thu tiền số *AA/2021/0001407 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Plông, số tiền còn dư trả lại cho bị cáo A D. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên được chấp nhận*.

[11] Về xử lý đồ vật, vật chứng:

+ Đối với 01 cái kìm mà A B mang theo để tháo máy biến áp, sau khi tháo được máy biến áp, B mang kìm về nhà nhưng không nhớ để ở đâu. Cơ quan điều tR đã tiến H1nh truy tìm nhưng không thu giữ được. Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đỏ đen, BKS 82L1-058.77, đã qua sử dụng. Đây là tài sản chung của bị cáo A B và vợ Y Ng. Bị cáo A B sử dụng làm Ph tiện để trộm cắp tài sản chị Y Ng không được biết. Vì vậy, tịch thu sung ngân sách nhà nước ½ giá trị chiếc xe mô tô, hoàn trả cho chị Y Ng ½ giá trị chiếc xe mô tô.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX F1, màu trắng đen, BKS 82L1-056.92, đã qua sử dụng và đăng ký xe của A R. Đây là tài sản chung của bị cáo A R và vợ Y G. Bị cáo A R sử dụng làm Ph tiện để trộm cắp tài sản chị Y G không được biết. Vì vậy, tịch thu sung ngân sách nhà nước ½ giá trị chiếc xe mô tô, hoàn trả cho chị Y G ½ giá trị chiếc xe mô tô.

- Đối với 01 cây rựa dài 57cm, có cán bằng gỗ dài 29cm, lưỡi bằng kim loại dài 28cm. Đây là công cụ dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 11 cờ lê (gồm 01 cờ lê ghi số 13-16; 01 cờ lê ghi số 14-17; 01 cờ lê ghi số 14; 01 cờ lê ghi số 15; 01 cờ lê ghi số 16; 01 cờ lê ghi số 17; 01 cờ lê ghi số 17-19; 01 cờ lê ghi số 19; 01 cờ lê ghi số 22; 02 cờ lê ghi số 24). Đây là công cụ dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 04 bao tải (Trong đó 02 bao tải màu xanh, 02 bao tải màu đỏ). Đây là công cụ dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo A B, A R, A H, A D và A Ch mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng A Ch là người chưa tH1nh niên nên ông A R là người đại diện hợp pháp cho A Ch phải nộp 200.000 đồng tiền án phí thay cho bị cáo A Ch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo A B, A R, A H phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo A D, A Ch phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 17; Điều 58 điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo A B **03** *(ba)* năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/10/2021.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo A R **02** *(hai)* năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/10/2021.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 54; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo A H **15** *(mười lăm)* tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/10/2021.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo A B, A R và A H không có tài sản, không có thu nhập, hoàn cảnh gia đình khó khăn, dân tộc thiểu số nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; Điều 36; Điều 17; Điều 58; điểm i, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo A D 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 09 (chín) ngày tạm giữ bằng 27 (hai mươi B) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã Pờ Ê, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Uỷ ban nhân dân xã Pờ Ê, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Gia đình bị cáo A D có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa Ph trong việc giám sát, giáo dục

bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập và miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo A D.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; Điều 36; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 12; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 100 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Ch 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã M, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Uỷ ban nhân dân xã M, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Gia đình bị cáo A Ch có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa Ph trong việc giám sát, giáo dục bị cáo A Ch. Miễn khấu trừ thu nhập và miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo A Ch.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của Công ty Cổ phần Thủy điện S và các bị cáo về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm còn lại 171.488 đồng (Một trăm B mươi mốt nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng) bị cáo A D nhận tự nguyện bồi thường cho Công ty Cổ phần Thủy điện S và được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng bị cáo A D đã tự nguyện nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001407 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Plông.

Công ty Cổ phần Thủy điện S được nhận số tiền 171.488 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kon Plông.

Hoàn trả lại cho A D số tiền còn lại 1.828.512 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001407 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Plông.

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần thủy điện S về số tiền bồi thường thiệt hại 59.763.679 đồng (Năm mươi chín triệu B trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi chín đồng).

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự.

3.1. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- ½ giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đỏ đen, BKS 82L1-058.77, đã qua sử dụng của vợ chồng bị cáo A B và vợ Y Ng (theo phiếu trả lời xác minh Ph tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 21/01/2022 của Công an huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, xe mất giấy đăng ký). Hoàn trả cho chị Y Ng ½ giá trị chiếc xe mô tô.

- ½ giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX F1, màu trắng đen, BKS 82L1-056.92, đã qua sử dụng của vợ chồng bị cáo A R và vợ Y G, kèm theo Đăng ký mô tô mang tên A R. Hoàn trả cho chị Y G ½ giá trị chiếc xe mô tô.

3.2 Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 cây rựa dài 57cm, có cán bằng gỗ dài 29cm, lưỡi bằng kim loại dài 28cm;

- 11 cờ lê (gồm 01 cờ lê ghi số 13-16; 01 cờ lê ghi số 14-17; 01 cờ lê ghi số 14; 01 cờ lê ghi số 15; 01 cờ lê ghi số 16; 01 cờ lê ghi số 17; 01 cờ lê ghi số 17-19; 01 cờ lê ghi số 19; 01 cờ lê ghi số 22; 02 cờ lê ghi số 24);

- 04 bao tải (Trong đó 02 bao tải màu xanh, 02 bao tải màu đỏ);

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/3/2022, giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Plông và Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo A B, A R, A H, A D, A Ch mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng).* Riêng A Ch là người chưa thành niên nên ông A R là người đại diện hợp pháp cho A Ch phải nộp 200.000 đồng tiền án phí sơ thẩm thay cho bị cáo A Ch.

- Công ty Cổ phần Thủy điện S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với yêu cầu không được tòa án chấp nhận là: 2.988.183 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/3/2022) các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bào chữa, người đại diện hợp pháp của bị cáo dưới 18 tuổi có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án để xin xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trong trường hợp bản án, quyết định được qui định theo điều 2 Luật thi H1nh án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6 điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Plông;
- Công an huyện Kon Plông;
- Chi cục THADS huyện Kon Plông;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Đăng Lễ